

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
GPMB dự án nâng cấp, cải tạo hồ Ao Lốc, xã Triệu Thành
thuộc dự án nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn
một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định

chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3922/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận cho phép công trình, dự án thực hiện trong năm 2020, cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 về việc phê duyệt dự án nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 7124/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, cải tạo hồ Ao Lốc, xã Triệu Thành thuộc dự án: Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Xét Tờ trình số 2138/TTr-TNMT ngày 24/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, cải tạo hồ Ao Lốc, xã Triệu Thành thuộc dự án nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng trong khu vực thực hiện dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 10 hộ gia đình, cá nhân.

- Số hộ tái định cư: **Không**.

- Di chuyển mồ mả: **Không**.

- Số hộ có đất bị thu hồi: 07 hộ gia đình, cá nhân.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 844,2 m². Trong đó ở nông thôn (ONT) là 837,9 m², đất trồng cây lâu năm (CLN) là 6,3 m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

3.1. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:

- **Bồi thường đất:**

Áp dụng Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1.

- Các chính sách hỗ trợ:

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa, các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở theo quy định tại khoản 6, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi thì được hỗ trợ bằng tiền bằng 50% chênh lệch giữa tiền bồi thường theo đất ở với tiền bồi thường tính theo đất nông nghiệp của thửa đất đó tại thời điểm thu hồi đất, giá đất để xác định tiền hỗ trợ là giá đất trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành.

3.2. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất:

Áp dụng Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bồi thường cây cối, hoa màu.

Áp dụng Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Các chính sách hỗ trợ khác.

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 224.163.030 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tư triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm ba mươi đồng).

Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	125.823.600 đồng;
- Hỗ trợ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở:	403.200 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu:	80.692.800 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc:	6.569.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng (5%):	10.674.430 đồng.

(Chi tiết có bảng tổng hợp kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Do Nhà đầu tư bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý III năm 2020.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm:

1. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Bố trí đầy đủ kinh phí để HĐ BTGPMB huyện chi trả cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt.

2. Hội đồng BTGPMB huyện.

Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

3. UBND xã Triệu Thành.

Phối hợp với HĐ BTGPMB dự án huyện để tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án theo đúng phương án được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài Chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng; Chủ tịch Hội đồng BT GPMB dự án huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành; Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN

Nâng cấp, cải tạo hồ Ao Lốc, xã Triệu Thành thuộc dự án Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (thôn/xóm)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Thành tiền (đồng)				
							Bồi thường hỗ trợ về đất	Hỗ trợ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở	Bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu	Bồi thường, Hỗ trợ vật kiến trúc	Tổng
1	Lê Đăng Tân	Thôn 8	ONT	20	1248	172,1	25.815.000		5.990.000		31.805.000
2	Phạm Đình Toàn - Trịnh Thị Liên	Thôn 8	ONT	20	1249	68,8	10.320.000		1.100.000		11.420.000
3	Phạm Đình Hiền	Thôn 8	ONT	20	1265	51,4	7.710.000		2.598.200		10.308.200
4	Hà Nhân Đạt - Hà Nhân Len	Thôn 8	ONT	20	1165	450,8	67.620.000		13.402.000	4.995.000	86.017.000
5	Phạm Công Các	Thôn 8	CLN	20	1289	6,3	138.600	403.200	460.000		1.001.800
6	Phạm Đình Khiêm	Thôn 8	ONT	20	1305	71,2	10.680.000		925.600		11.605.600
7	Lê Đình Thịnh- Lê Đình Dũng	Thôn 6	ONT	19	555	23,6	3.540.000		350.000	330.000	4.220.000
9	Trịnh Ngọc Minh	Thôn 8							36.913.000		36.913.000
10	Phạm Đình Hào	Thôn 8							792.000	1.244.000	2.036.000
12	Trịnh Ngọc Vinh	Thôn 8							18.162.000		18.162.000
I	Tổng					844,2	125.823.600	403.200	80.692.800	6.569.000	213.488.600
II	Chi phí thực hiện (II=I*5%)										10.674.430
III	Tổng (III=I+II)										224.163.030

(Tổng kinh phí BTGPMB: Hai trăm hai mươi tư triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm ba mươi đồng)